

LẦN TÌM CỘI NGUỒN LỊCH SỬ CỦA NGƯỜI THÁI THANH HÓA

LÊ SỸ GIÁO

Mấy chục năm vừa qua giới dân tộc học Việt Nam đã tập trung nghiên cứu nhiều vấn đề về khối cư dân nói ngôn ngữ Thái - Tày và đã thu được những kết quả đáng mừng. Các công trình đã được công bố, nói riêng về người Thái, chủ yếu tập trung vào khối Thái vùng Tây Bắc (1). Trong khi đó ở miền núi Bắc Trung Bộ, mà cụ thể là ở hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, với số dân hơn 40 vạn người (chiếm khoảng 40% tổng số dân Thái của cả nước) còn chưa được chú ý thích đáng. Có thể nói đây là một mảng trống lớn mà chừng nào chưa lấp được nó thì chừng đó chúng ta vẫn chưa có được cái nhìn toàn cảnh bức tranh về người Thái Việt Nam một cách đầy đủ.

Bài viết này hoàn toàn không có tham vọng lấp chỗ trống đó. Muốn làm được việc này phải có hẳn một công trình khảo cứu nghiên cứu. Tuy nhiên, chúng tôi có thể trình bày điều trần trở lâu nay là vấn đề nguồn gốc lịch sử của người Thái Thanh Hóa - một trong số nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ của khối Thái ở khu vực này.

Miền núi Thanh Hóa là một khu vực rộng lớn, khoảng 8000 km² - chiếm 2/3 diện tích của tỉnh, và với số dân gần 1 triệu người, xấp xỉ 1/3 dân số Thanh Hóa. Các đơn vị hành chính cấp huyện gồm có: Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân. Người Thái tập trung đông hơn ở 5 huyện Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, (khoảng 20 vạn người, chiếm gần 1/5 số lượng dân Thái toàn quốc). Trong phạm vi cả nước, Thanh Hóa có số dân Thái đông thứ tư sau Sơn La, Nghệ An và Lai Châu.

Địa bàn cư trú của người Thái chủ yếu ở hai bên thượng nguồn sông Mã, sông Chu và

các chi lưu của nó. Có một vấn đề cần lưu ý, ở đây đã từng tồn tại một lớp cư dân cổ của vùng này mà nguồn gốc tộc thuộc còn chưa được xác định rõ ràng. Người Thái vẫn thường nhắc đến họ trong các bài mo hoặc hình bóng họ dù không mấy rõ ràng, cụ thể vẫn còn lưu giữ lại trong các câu chuyện truyền tụng của những người già. Đó là các Phu Giơi (người Giơi). Các phu Giơi này là ai? Trong một bài viết gần đây, chúng tôi cho rằng họ là những cư dân thuộc ngữ hệ Nam Á, hẹp hơn là thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me, và có thể là tiền bối của các tộc người Khơ-mú, Xinh-mun... Từ đó, chúng tôi phác họa bức tranh lịch sử về các lớp cư dân ở vùng này như sau: Thoạt đầu là những bộ phận Môn - Khơ-me nào đó sinh sống nhưng chắc là còn hết sức ít ỏi và rất thưa thớt. Sau đó một khối lượng lớn cư dân Thái tràn đến. Mặc dù đến sau nhưng người Thái có số lượng đông đảo, có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn. Vì vậy, họ trở thành lực lượng chiếm ưu thế. Là cư dân trồng lúa nước truyền thống, họ dần dần chiếm cứ các vùng thung lũng và khai khẩn các cánh đồng màu mỡ, xây bản dựng mường, vươn lên sánh ngang thế lực với người Mường(2).

Đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở miền núi Thanh Hóa đã hình thành nên 40 mường của người Thái và cũng khoảng 40 mường của người Mường. Bảng thống kê các mường này cũng đã được chúng tôi giới thiệu ở bài báo nói trên. Trong 40 mường của người Thái, ba mường có thế lực hơn cả về kinh tế, chính trị là mường Ca Gia ở Quan Hóa, mường Khoàng ở Bá Thước và mường Chiềng Vạn ở Thường Xuân. Ngoài ra, còn có mường Đanh (Lang Chánh) cũng là một mường lớn và có nhiều vấn đề dân tộc học cần phải làm sáng tỏ. Nhìn chung, các mường này đều được hình thành sớm và có được ghi

chép trong nhiều bộ sách của các nhà nước phong kiến Việt Nam, cũng như trong một số tác phẩm của các học giả Pháp trước kia. Với cách đặt vấn đề như vậy chúng tôi chỉ khuôn việc tìm hiểu và xem xét các con đường di dân của tổ tiên người Thái đến ba mường nói trên mà thôi.

1. Về người Thái ở mường Ca Gia

Mường Ca Gia là một mường lớn của Quan Hóa. Địa giới xưa của mường này tương ứng với địa giới của các xã Hồi Xuân, Phú Nghiêm, Trung Xuân và một số bản của các xã lân cận hiện nay. Mường Ca Gia có ảnh hưởng không chỉ trong vùng người Thái mà còn cả ở vùng người Mường, và hơn thế nữa, còn có mối liên hệ nhiều mặt với một số mường ở Lào.

Con đường di dân đến Ca Gia trong lịch sử của người Thái đã được thể hiện trong các áng mo đưa hồn người chết. Chẳng hạn, khi kể đến đường đi ngày xưa của cây cỏ, súc vật từ trên trời xuống trần gian, các ông mo - những người chép và kể chuyện xưa đã chỉ ra các địa danh ở Tây bắc Việt Nam, ở Lào và Thanh Hóa, cụ thể như sau:

Đưa xuống núi Kẹo Pét

Đưa xuống nếp Kẹo Piên

Xuống đến mường Lủ trên Là

Xuống đất Lào đất rộng trời thấp

Xuống đến mường Thanh dưới, Thanh trên

Xuống mường Đói, mường Đuôn

Xuống mường Lằm, mường Lò

Xuống mường Húng, Chiềng Khương

Xuống mường Ét, Chiềng Kho

Xuống Xốp Hào, Xốp Xim

Đến Tén Tàn, mường Lát, mường Lý, mường Páng, mường Lò, mường Ca Gia(3).

Các tên đất, tên mường này phản ánh một cách rõ ràng rằng người Thái ở mường Ca Gia đã từ Tây bắc Việt Nam, từ Lào đi dọc sông Mã mà xuống vùng Quan Hóa. Các địa danh này hiện nay đại bộ phận vẫn còn giữ lại. Nó cũng phù hợp với truyền thuyết về con qua đã cứu sống dòng họ quý tộc Lò Khăm (Phạm Bá) ở vùng này mà chúng tôi đã có

dịp nói đến trong một bài viết trên Tạp chí Dân tộc học từ năm 1979(4).

Khi đã định cư vững chắc, người Thái Ca Gia lại tiếp nhận nhiều đợt di cư sau này của những người đồng tộc theo con đường truyền thống mà cha ông họ đã đi. Mặt khác, người Thái Ca Gia cũng được bổ sung thêm một nguồn đáng kể những gia đình, các cá nhân không phải Thái gia nhập vào hàng ngũ cộng đồng tộc người của mình. Chỉ khảo sát riêng ở xã Hồi Xuân chúng tôi thấy thành phần này chủ yếu là các cư dân Mường, Kinh; tuy thế cũng không ngoại trừ trường hợp có cả người Hoa. Nguyên nhân cơ bản của tình hình này là xuất từ việc tìm kiếm phương kế sinh nhai. Định cư trong các bản mường của người Thái và họ đã nhanh chóng "Thái hóa" và không ít người vẫn còn nhớ được gốc gác của mình(*). Hiện tượng bị "đồng hóa" như trên khá phổ biến ở các địa phương của miền núi Thanh Hóa nói chung. Nó không chỉ bó hẹp trong phạm vi đời sống xã hội của người Thái mà cả đối với người Mường, người Dao, người Kinh cũng đều có tình trạng tương tự như vậy.

2. Đối với người Thái ở mường Khoòng

Mường Khoòng và mường Lâu nay gồm các xã Ban Công, Lũng Niêm, Thành Lâm, Thành Sơn, Lũng Cao, Cổ Lũng thuộc huyện Bá Thước (và có 6 xã nữa thuộc đất Hòa Bình). Dòng họ quý tộc thống trị ở đây trước kia là họ Hà Công, một chi của dòng họ Hà Công của người Thái, Mai Châu, Hòa Bình.

Truyền thuyết của dòng họ này ở Mai Châu kể lại như sau: Tổ tiên dòng họ Hà Công là ở mường Phước Hước Khà (Quảng Tây). vì thiếu đất làm ăn nên ba anh em trai cùng

(*) Sau đây là một vài ví dụ cụ thể:

Dòng chí Cao Ngọc Bích, nguyên Trưởng phòng Văn hóa huyện Quan Hóa cho biết: Tổ tiên dòng họ này là người Mường ở Mường Vông, Hòa Bình, vào Ca Gia đến dòng chí là được 7 đời.

Ông thân sinh anh Hà Văn Đăng ở Bản Khăm là người Mường từ Mường Bi, Hòa Bình vào. Đến đời anh thì tự nhận là người Thái.

Cụ Cao Văn Chai khẳng định bố vợ của cụ là người Kinh. Nhưng đến đời con cháu thì tự nhận là người Thái. Cụ Cao Văn Diệu (bản Nghèo) còn nhớ chính quê cũ là làng Bông Bánh huyện Vĩnh Lộc, lên Ca Gia đến cụ là đời thứ bảy.

Những người già ở Hồi Xuân đều chứng nhận ông tổ bốn đời của anh Cao Văn Sáo (bản Khăm) là người Hoa.

(Các tư liệu trên đều do chúng tôi tự sưu tầm tại Hồi Xuân Quan Hóa, tháng 3 - tháng 4 năm 1976).

mẹ rủ nhau xuôi xuống phương nam tìm đất lập mường. Xuống đến đồng bằng đã thấy có người Kinh, ven sông Đà có người Mường, họ bèn ngược sông lên đến Thác Bờ và chia tay nhau. Người anh cả cứ ngược đường lên đến Mộc Châu. Hai người em cùng mẹ rẽ lối khác. Đến Chiềng Châu (Mai Châu) thấy đất rộng hai anh em bèn đặt nơi thờ tổ tiên ở đó.

Nhưng người em út vẫn chưa vừa lòng, tỏ ý xin mẹ và anh cho đi xa hơn nữa. Người em theo sông Mã xuống đã thấy có dòng họ Lò Khăm ở mường Ca Gia. Lại xuôi sông xuống ít nữa thấy vùng đất rộng bèn dừng lại lập mường và đặt tên mường của mình là Mường Lâu, Mường Khoòng. Vì tổ tiên của người Thái mường Lâu, mường Khoòng là em út nên ngày nay người Thái Mai Châu vẫn gọi người Thái ở vùng này là “Ao”, tức là “chú”(5).

Theo các cụ già ở Cổ Lũng, nơi trung tâm của mường Khoòng trước đây giải thích, tên Khoòng hàm ý giàu có và trước khi dòng họ Hà Công đến mường Khoòng, ở đây đã có dòng họ Lò Khăm. Ở mường Khoòng có chuyện thơ Khăm Panh nổi tiếng kể về cuộc chiến của dòng họ Lò Khăm với một thứ giặc Khun Ha nào đó. Theo hai ông Hà Văn Huệ và Lò Văn Chúc ở Bản Lộng, xã Cổ Lũng, những người am hiểu chuyện Khăm Panh hơn cả, đều khẳng định Khun Ha mà tác phẩm gọi là “giặc” chính là dòng họ Hà Công(6). Từ khun ở nhiều tộc người là tước hiệu giành cho những người đứng đầu một đơn vị xã hội (tù trưởng chẳng hạn) và cũng chỉ là để chỉ khái niệm quý tộc nói chung, những người được tôn kính ở các tộc người ngôn ngữ Việt - Mường, Môn- Khơ-me, Thái... (Lang Cun của người Mường, Khun Borom của người Lào, Khun Quảng, Khun Mun, Khun Miên của người Laha và Kháng...)(7). Như vậy, trong trường hợp cụ thể này Khun Ha phải chăng chính là người đứng đầu dòng họ quý tộc Hà Công xưa kia ?

Hầu hết những người biết chuyện Khăm Panh đều cho rằng cuộc xung đột mà tác phẩm phản ánh, xảy ra vào đời nhà Lê. Tình hình này rất phù hợp với việc ghi chép trong gia phả của dòng họ Hà Công Mai Châu, Hòa Bình. Lúc đó trong nước vua thay chúa đổi, nhà Mạc cướp ngôi vua Lê. Ông Tày Ngự (tức

chúa Nguyễn Kim) chạy lên bản Ké Bắc. Tào Khoòng là Quảng Ủy có công với nhà Lê từ trước đón ông Tày Ngự đến mường Khoòng. Tào Ủy rủ anh là Tào Hạ theo Lê(8). Trong chuyện Khăm Panh, ngay đoạn mở đầu cũng đã nhắc đến chi tiết này: “Thời loạn giặc, vua Lê gọi mường đi đánh giặc”. (Câu 21, 22, tr.12).

Một tài liệu lưu tại Ban miền núi và dân tộc Thanh Hóa “Báo cáo sơ bộ về điều tra nghiên cứu tình hình dân tộc ở Liên khu 4, năm 1956”, khi nói về dòng họ Hà Công ở Bá Thước cũng đã ghi nhận: Dòng họ này trước ở Mai Đà (Mai Châu, Đà Bắc), Hòa Bình vào (Thanh Hóa) được 5-6 đời. Người Thái các vùng trên đều thừa nhận tổ tiên chung với Thái - Mai Đà, thường hay đi đám ma, nhận họ hàng ở Hòa Bình.

Như vậy, là đã khá rõ ràng, một bộ phận người Thái ở Mường Khoòng, và cụ thể là dòng họ Hà Công đã từ Mai Châu, Hòa Bình vào. Song, đối chiếu với các tài liệu điền dã tại Cổ Lũng cũng như căn cứ vào chuyện Khăm Panh chúng ta có thể rút ra nhận xét: Trước khi dòng họ Hà Công di dân vào đây, người Thái đã có mặt ở Mường Khoòng và dòng họ quý tộc thống trị là dòng họ Lò Khăm. Cuộc tranh giành quyền lực giữa hai dòng họ quý tộc Thái đã được phản ánh vào chuyện Khăm Panh.

3. Người “Táy do” ở mường Chiềng Vạn

Mường Chiềng Vạn còn được gọi là mường Luộc - Chiềng Ván hay Trịnh Vạn, nằm khá sâu trong một vùng rừng núi hiểm trở của huyện Thường Xuân. Người Thái ở đây có tên tự gọi là “Táy do”. Gia phả dòng họ Cầm Bá - dòng họ tạo - do ông Cầm Bá Thước làm năm 1891 ghi như sau:

“Tôi là Cầm Bá Thước phụng biên danh vị các cụ từ ông tổ 10 đời lại giờ (trừ 10 đời về trước thời lâu năm, sắc bằng mực nát không thể nhận rõ mà biên ghi được, và theo tục nhà những ngày kỵ, ngày chết cũng không có biên chép gì cả để cho con cháu sau biết mà kính phụng”(*).

(*) Chúng tôi đọc bản gia phả này từ bản dịch chép tay của ông Cầm Bá Bảo, nguyên tri châu Thường Xuân, cháu gọi ông Cầm Bá Thước là ông bác. (Tài liệu điền dã năm 1976 tại mường Chiềng Vạn).

Ông tổ 10 đời mà gia phả chép là ông Cầm Bá Kính, làm thổ tù, cai huyện, toán lĩnh hầu đời vua Hoàng Định triều Lê (năm 1600). Như vậy, 10 đời về sau tính từ năm 1600 đến năm 1891 (thời gian viết gia phả) là 291 năm, có thể tính tròn 300 năm. Nếu tính 10 đời về trước cũng là 300 năm nữa thì 20 đời mà gia phả ghi sẽ là 600 năm, và tính đến thời điểm hiện nay là 700 năm. Do đó, có thể ước tính ông tổ thứ 20 của ông Cầm Bá Thước sống trong quãng cuối đời Lý, đầu đời Trần.

Dòng họ tạo Cầm Bá đã từ đâu đến mừng Chiềng Vạn? Trong lời tuyên bố giải tán mừng theo đời sống mới ngày 3 tháng 3 năm 1950, ông Cầm Bá Bảo lúc đó ở Thường Xuân đã viết: Tổ tiên của ông trước kia ở Lai Châu (thượng du Bắc kỳ) vào ở rể cho một chi họ chuyên về tế lễ đền từ (gọi là chi ông Đăm; còn một chi nữa chuyên lo lễ nghi thờ trời - gọi là ông Mường) đã sống ở đây từ trước. Họ cùng nhau đánh đuổi giặc Xá, quét sạch trộm cướp, vỡ ruộng, khai mương, trồng trọt, chăn nuôi súc vật, quặng chài kiếm cá, săn thú, chiêu tập dân xây dựng nên cơ nghiệp. Hai chi ông Đăm và ông Mường thấy rể có chữ nghĩa lại tháo vát mới đoàn kết lại cùng nhau tổ chức mừng Chiềng Vạn và để cho chi ông Cầm Bá Bảo nắm quyền cai trị.

Về thời gian dòng họ này có mặt ở mừng Chiềng Vạn các ý kiến không có sự thống nhất. Phần lớn những người già vùng này khi được hỏi đều cho rằng dòng họ tạo Cầm Bá nắm quyền cai trị đến Cách mạng Tháng Tám mới chỉ được 5-6 đời. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng quan niệm về 5-6 đời của dân gian không phải là con số định lượng chính xác mà nó mang tính chất định tính nhiều hơn, hàm chỉ số nhiều về mặt thời gian. R. Robert trong cuốn "Nhận xét về người Tày đưng ở Lang Chánh Thanh Hóa" thì lại khẳng định: ít nhất dòng họ tạo Cầm Bá đã ở Chiềng Vạn là 14 đời(9). Chúng tôi ghi lại các ý kiến này để làm cơ sở tham khảo.

Về danh xưng "Táy do" hay "Thái do" cho đến nay không ai còn hiểu ý nghĩa của từ "do" nữa. Căn cứ vào các tư liệu do ông Cầm Bá Bảo cung cấp thì dòng họ quý tộc Cầm Bá có nguồn gốc từ Lai Châu, thượng du Bắc Kỳ. Chúng tôi cho rằng chữ Do (cũng có thể

phát âm là Dọ) trong trường hợp này là có chung gốc với chữ Xo (hay So) - Mường Xo ở Phong Thổ, Lai Châu và chữ Do - Mường Do của Vân Nam, Trung Quốc. Như vậy, người Thái Chiềng Vạn, với danh xưng "Táy do" có thể có nguồn gốc lịch sử từ người Thái Mường Xo, Mường Do(10). Hiện nay, về mặt ý thức tự giác, nhóm này vẫn tự coi mình là Thái trắng (Tày Khao), mặc dù sự phân ngành Trắng, Đen của người Thái miền núi Bắc Trung Bộ nói chung mờ nhạt hơn rất nhiều so với người Thái Tây bắc.

Từ việc tìm hiểu con đường di dân của những bộ phận tiền bối của người Thái ba mừng nói trên chúng ta có thể thấy người Thái Thanh Hóa có mối liên hệ lịch sử với người Thái Tây Bắc, người Phu Thay ở Lào và cả người Thái Nghệ An nữa. Nhưng do cộng cư lâu đời cạnh người Mường, có sự tiếp xúc qua lại khá thường xuyên với người Lào, người Kinh; người Thái, một mặt đã khuếch trương ảnh hưởng văn hóa của mình ra toàn vùng, nhưng mặt khác cũng đã tiếp thu nhiều giá trị văn hóa của các tộc người láng giềng. Điều đó góp phần giải thích tại sao miền núi Bắc Trung Bộ lại trở thành khu vực đan xen văn hóa điển hình và văn hóa Thái đối với một số dân tộc thiểu số vẫn thể hiện thế trội của nó.

(1) Cầm Trọng - Người Thái ở Tây bắc Việt Nam, Hà Nội, 1978.

- Máy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế - xã hội cổ đại người Thái-Tây bắc Việt Nam, Hà Nội, 1987.

(2) Lê Sỹ Giáo - Đặc điểm phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hóa. Tạp chí Dân tộc học, 1991, số 2, tr.37-43.

(3) Bài mo này, phần tiếng Thái do cụ Hà Văn Thảo (84 tuổi- năm 1976) đọc. Phần dịch ra tiếng Việt là của đồng chí Cao Ngọc Bích, lúc đó là Trường phòng Văn hóa huyện Quan Hóa.

(4) Lê Sỹ Giáo - Tổ chức xã hội của người Thái Mường Ca Gia (Thanh Hóa). Tạp chí Dân tộc học, 1979, số 2, tr. 63-68.

(5) Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái. Hà Nội, 1977- Phần "Lai lịch dòng họ Hà Công", tr. 227-252.

(6) Khăm Panh - Ty Văn hóa Thanh Hóa - 1973.

(7) Trần Quốc Vượng - Về danh hiệu "Hùng Vương". Hùng Vương dựng nước, tập III, Hà Nội, 1973, tr. 353-355.

(8) Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái. TLDD.

(9) R.Robert. Nhận xét về người Tày đưng ở Lang Chánh, Thanh Hóa, Hà Nội, 1941. Bản dịch của Tư liệu Khoa lịch sử, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

(10) Lê Sỹ Giáo - Đặc điểm phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hóa - TLDD.